

**TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS - ST

Ngày: 14/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Lê Thị Hương Giang

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Phạm Ngọc Dung – Chủ tịch Hội cựu Chiến binh xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Lê Văn Hoàn – Giáo viên trường THCS xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Ông Đồng Văn Hoan – Kiểm sát viên, ông Nguyễn Hữu Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/TLST - HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST – HS ngày 13/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Hữu T, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2003 tại xã L, huyện V, tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Trần Văn T– sinh năm 1981, mẹ đẻ: Lê Thị T – sinh năm 1978; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ đến tháng 4/2020 sinh sống, làm việc tại địa phương. Ngày 25/4/2020 có hành vi “trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 42/2020/HSST ngày 16/9/2020. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

\* ***Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo:*** Ông Trần Văn T– sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn B , xã L huyện V, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đường Xuân Anh – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh trợ giúp pháp lý số 8, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước. Có mặt.

\* *Người bị hại:* - Ông Trịnh Đình T1 – sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh T. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bị cáo Trần Hữu T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 28/6/2020 Trần Hữu T, sinh ngày 28/01/2003, trú tại thôn B, xã L, huyện V, tỉnh T phát hiện thấy xưởng gỗ nhà ông Trịnh Đình T1, sinh năm 1981, trú tại thôn B, xã P, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không khóa cửa, không có ai trông coi, bên trong xưởng gỗ có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 36L6-071.76, màu xanh trên xe có cắm sẵn chìa khóa. T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nói trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đi vào trong xưởng gỗ dắt chiếc xe ra ngoài đường nổ máy chạy ra Quốc lộ 217 đi xuống xã Vĩnh Hòa tìm nơi tiêu thụ nhưng T không bán được. Sau đó T đi lên cửa hàng sửa xe máy nhà ông Phạm Văn C, sinh năm 1972, trú tại thôn E, xã Q, huyện V, tỉnh Thanh Hóa để bán nhưng ông C không mua. T đã gửi lại chiếc xe vừa trộm cắp được tại nhà ông C và bỏ đi ra Hà Nội. Sau khi bị mất tài sản ông Trịnh Đình T1 đã trình báo cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 09/2020/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc kết luận: Tài sản bị xâm hại có giá trị là 8.500.000đ (tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Đối với Phạm Văn C quá trình điều tra C không thừa nhận hành vi tiêu thụ chiếc xe máy mà T trộm cắp nên chưa có đủ chứng cứ để chứng minh Phạm Văn C có hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vì vậy cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vĩnh Lộc sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô Wave biển kiểm soát 36L6-071.76 là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Đình T1. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng đến nay vẫn chưa xác định được chiếc xe mô tô mà T trộm cắp

của ông Trịnh Đình T1 hiện ở đâu nên chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra công an huyện Vĩnh Lộc đã ra thông báo truy tìm vật chứng gửi lên hệ thống truy tìm xe mô tô vật chứng toàn quốc và tiếp tục truy tìm để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Đình T1 yêu cầu Trần Hữu T bồi thường số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) đến nay T vẫn chưa thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã xác định 01(một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36L6-071.76 là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Đình T1 nên cơ quan điều tra đã trả lại là phù hợp.

Đối với 01 (một) USB trích xuất từ camera tại gia đình ông Trịnh Đình T1 là giữ liệu điện tử liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong và chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 28/ CTr – VKSVL ngày 22/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản” đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Hữu T từ 08 tháng đến 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” . Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Hữu T.

- Về trách nhiệm dân sự: Đến nay bị cáo và gia đình bị cáo chưa bồi thường cho ông Trịnh Đình T1. Tại phiên tòa ông T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền theo kết luận của Hội đồng định giá là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Do bị cáo là người dưới 18 tuổi chưa có tài sản nên buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) là đúng quy định.

- Về xử lý vật chứng: 01(một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36L6-071.76 là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Đình T1 nên cơ quan điều tra đã trả lại là phù hợp.

Đối với 01 (một) USB trích xuất từ camera tại gia đình ông Trịnh Đình T1 là giữ liệu điện tử liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong và chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu T phải nộp án phí hình sự, buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

\* Ý kiến trình bày của người bào chữa: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà đại diện VKSND đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị người bị hại xem xét giảm nhẹ mức bồi thường dân sự cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn.

\* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Mẹ đẻ của bị cáo là bà Lê Thị T, đã bỏ nhà đi từ khi bị cáo T đang còn nhỏ, hiện nay không xác định được bà T đang làm gì, ở đâu. Bố đẻ của bị cáo là ông Trần Văn T là người đại diện hợp pháp cho bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố. Tòa án cũng đã giao cho ông Trần Văn T quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Trần Văn T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Do đó, việc xét xử bị cáo Trần Hữu T vắng mặt người đại diện hợp pháp cho bị cáo là đúng quy định tại Điều 420 và khoản 3 Điều 423 Bộ LTTHS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 28/6/2020 Trần Hữu T đã có hành vi lén lút đột nhập vào xưởng gỗ nhà ông T1 ở thôn B, xã P, huyện Vĩnh Lộc trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát: 36L6-071.76 của ông Trịnh Đình T1 trị giá 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng) với mục đích bán kiếm tiền tiêu xài. Hành vi của Trần Hữu T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Hữu T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo và tính chất, mức độ của vụ án: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng trước đó vào ngày 25/4/2020, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô trị giá 8.500.000 đồng và đã bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 42/2020/HSST ngày 16/9/2020. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Để đấu tranh phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung và tội “Trộm cắp tài sản” nói riêng, cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo để trừng phạt và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo đang tuổi học sinh nhưng không chịu tu trí học hành, bỏ học khi vừa học xong lớp 6, thường xuyên tụ tập, giao lưu với các đối tượng xấu, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Trong một thời gian ngắn bị cáo đã phạm tội hai lần. Vì

vậy, cần phải áp dụng hình phạt khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi mới 17 tuổi 05 tháng nên cần áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01(một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36L6-071.76 là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Đình T1 cơ quan điều tra đã trả lại là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) USB trích xuất từ camera tại gia đình ông Trịnh Đình T1 là giữ liệu điện tử liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đến nay bị cáo và gia đình bị cáo chưa bồi thường cho ông Trịnh Đình T1. Tại phiên tòa ông T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền theo kết luận của Hội đồng định giá là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Do bị cáo là người dưới 18 tuổi chưa có tài sản nên buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp, đúng quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Hữu T phải chịu án phí hình sự, người đại diện hợp pháp cho bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 56 của Bộ luật hình sự. **Điều 420 và khoản 3 Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự.**

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu T 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2020 được trừ đi 03 ngày tạm giữ (từ ngày 22/5/2020 đến ngày 25/5/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Trần Hữu T.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 586; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc ông Trần Văn T phải bồi thường cho ông Trịnh Đình T1 số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: **Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.**

Buộc Trần Hữu T nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc ông Trần Văn T phải **chịu 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.**

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 – Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án.*

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người bào chữa, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Lộc;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Giang**